

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 478/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 03 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM
- Mã chứng khoán: PAC
- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: 028.39203062
- Fax: 028.39203060
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duy Hưng
Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét. Báo cáo tài chính này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/08/2022 tại đường dẫn: www.pinaco.com.vn.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên năm 2022

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN NĂM



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Ông Lê Văn Năm
Ông Nguyễn Văn Chung
Ông Nguyễn Quốc Việt

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(bổ nhiệm ngày 23/4/2022)
Thành viên
(từ nhiệm ngày 23/4/2022)
Thành viên
(đã mất ngày 4/5/2022)

Ông Trần Thanh Văn

Ông Shinichiro Ota

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Bà Phan Thị Hoàng Giang

Bà Trần Thị Kiều Ly

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Trưởng Ban Kiểm soát
(bổ nhiệm ngày 23/4/2022)
Trưởng Ban Kiểm soát
(từ nhiệm ngày 23/4/2022)
Thành viên
(bổ nhiệm ngày 23/4/2022)
Thành viên
(từ nhiệm ngày 23/4/2022)
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm

Ông Nguyễn Điền Phước Chân

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00295-22-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.318.257.002.162	1.809.377.900.144
Tiền	110	5	96.425.645.042	119.156.485.767
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		862.000.000.000	789.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	862.000.000.000	789.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		397.671.973.368	175.693.822.001
Phải thu của khách hàng	131	7	296.227.701.635	68.722.168.690
Trả trước cho người bán	132	8	23.690.478.044	32.864.678.654
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	78.885.532.280	75.311.660.503
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.132.134.059)	(1.204.876.660)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		395.468	190.814
Hàng tồn kho	140	11	882.124.899.226	673.628.923.742
Hàng tồn kho	141		883.599.906.141	676.718.983.293
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.475.006.915)	(3.090.059.551)
Tài sản ngắn hạn khác	150		80.034.484.526	51.098.668.634
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.087.877.823	5.387.686.796
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	20(b)	72.946.606.703	45.710.981.838

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		664.933.760.359	670.271.974.529
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.116.759.300	5.086.221.300
Phải thu dài hạn khác	216		5.116.759.300	5.086.221.300
Tài sản cố định	220		550.257.486.627	548.216.240.777
Tài sản cố định hữu hình	221	12	323.458.920.791	321.609.715.850
<i>Nguyên giá</i>	222		1.181.868.735.498	1.146.176.877.563
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(858.409.814.707)	(824.567.161.713)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	20.507.063.095	17.465.218.180
<i>Nguyên giá</i>	225		24.620.954.301	20.168.098.671
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.113.891.206)	(2.702.880.491)
Tài sản cố định vô hình	227	14	206.291.502.741	209.141.306.747
<i>Nguyên giá</i>	228		263.190.870.706	263.190.870.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(56.899.367.965)	(54.049.563.959)
Tài sản dở dang dài hạn	240		30.039.606.519	36.108.430.868
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	30.039.606.519	36.108.430.868
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		47.019.907.913	48.361.081.584
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	11.571.240.058	12.844.522.097
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	3.451.614.856	3.498.887.617
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11	31.997.052.999	32.017.671.870
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.983.190.762.521	2.479.649.874.673

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.083.724.106.410	1.612.323.640.526
Nợ ngắn hạn	310		2.024.588.568.445	1.544.667.378.830
Phải trả người bán	311	19	213.325.855.283	153.936.425.775
Người mua trả tiền trước	312		6.451.367.345	61.194.955.414
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(a)	11.116.497.481	14.539.657.377
Phải trả người lao động	314		115.965.618.791	122.565.361.286
Chi phí phải trả	315	21	147.162.291.659	21.276.621.132
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	5.428.403.776	6.320.983.118
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	1.485.958.291.370	1.139.839.918.220
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	11.762.535.946	10.324.167.290
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	27.417.706.794	14.669.289.218
Nợ dài hạn	330		59.135.537.965	67.656.261.696
Phải trả dài hạn khác	337		1.502.680.000	1.502.680.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	57.632.857.965	66.153.581.696
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		899.466.656.111	867.326.234.147
Vốn chủ sở hữu	410	26	899.466.656.111	867.326.234.147
Vốn cổ phần	411	27	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		311.688.100.054	224.774.617.112
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		121.476.786.833	176.249.847.811
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.106.261.281	2.422.881.928
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		96.370.525.552	173.826.965.883
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.983.190.762.521	2.479.649.874.673

Ngày 1 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	30	2.114.611.128.842	1.927.905.728.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	240.929.133.500	293.513.458.550
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	30	1.873.681.995.342	1.634.392.269.896
Giá vốn hàng bán	11	31	1.603.284.156.316	1.390.852.824.934
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		270.397.839.026	243.539.444.962
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	32.100.878.672	34.098.024.473
Chi phí tài chính	22	33	41.165.837.736	27.064.633.361
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.536.443.901	25.100.864.146
Chi phí bán hàng	25	34	109.078.645.952	117.920.509.738
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	28.761.205.726	26.270.151.595
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		123.493.028.284	106.382.174.741
Thu nhập khác	31		222.598.008	547.243.982
Chi phí khác	32		5.093.725	40.000.000
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		217.504.283	507.243.982
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		123.710.532.567	106.889.418.723
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	27.292.734.254	25.307.982.940
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	47.272.761	142.256.620
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		96.370.525.552	81.439.179.163
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.866	1.577

Ngày 1 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Người duyệt:




Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		123.710.532.567	106.889.418.723
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		44.103.756.730	40.986.902.963
Các khoản dự phòng	03		798.060.253	8.657.086.462
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.188.428.424	(93.288.409)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(28.513.058.654)	(30.194.754.118)
Chi phí lãi vay	06		24.536.443.901	25.100.864.146
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		171.824.163.221	151.346.229.767
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09		(278.665.281.409)	(154.818.755.567)
Biến động hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10		(206.860.303.977)	(33.880.371.026)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		124.670.654.796	28.390.246.929
Biến động chi phí trả trước	12		(426.908.988)	6.787.327.849
			(189.457.676.357)	(2.175.322.048)
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.402.959.993)	(26.319.198.024)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.567.981.196)	(13.452.499.541)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.009.979.012)	(4.243.548.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(249.438.596.558)	(46.190.568.469)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(21.328.360.770)	(20.823.096.775)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		61.189.864	149.221.500
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(529.800.000.000)	(469.800.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		469.800.000.000	329.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		23.336.768.791	1.639.483.229
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(57.930.402.115)	(159.034.392.046)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.613.100.594.189	1.409.900.126.938
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.280.005.696.103)	(1.262.615.362.416)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.817.042.982)	(1.988.745.970)
Tiền trả cổ tức	36		(46.471.707.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		283.806.148.104	145.296.018.552
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(23.562.850.569)	(59.928.941.963)
Tiền đầu kỳ	60		119.156.485.767	149.345.138.970
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		832.009.844	123.037.544
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	96.425.645.042	89.539.234.551

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Thu nhập từ tiền lãi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính nhập gốc	12.200.000.000	24.238.471.047
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	41.409.701.350	48.523.830.465

Ngày 1 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			30/6/2022	1/1/2022
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 1.390 nhân viên (1/1/2022: 1.229 nhân viên).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất và báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

5. Tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	876.248.933	1.295.057.121
Tiền gửi ngân hàng	95.549.396.109	117.861.428.646
	<hr/>	<hr/>
	96.425.645.042	119.156.485.767

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch nhưng dưới một năm từ ngày cuối kỳ lập báo cáo và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,0% đến 7,25% (2021: 6,7% đến 8,4%).

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Ông Chea Se	20.575.256.551	-
Công ty TNHHẮc quy Vĩnh Phúc	12.048.695.892	8.871.420.800
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Xe tải Thaco	8.877.980.532	7.143.565.000
Chiek Leng Tires & Battery Pte. Ltd	7.176.724.983	-
Teeba - Alkhair Trading Fzco	6.891.384.765	-
Công ty TNHH An Tùng	6.681.648.197	-
Faith Chemical Enterprises	5.264.297.130	5.644.511.522
Công ty TNHH Thaco-Kia Motors	4.940.266.572	6.241.605.040
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	4.254.712.272	6.991.209.594
Win Cherry Company	-	4.572.974.134
Các khách hàng khác	219.516.734.741	29.256.882.600
	<hr/>	<hr/>
	296.227.701.635	68.722.168.690
	<hr/>	<hr/>

8. Trả trước cho người bán

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty cổ phần Kim loại màu Vimico - Thái Nguyên	6.574.419.904	2.033.765.384
Maschinenfabrik Gustav Eirich	658.358.767	1.295.594.926
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	333.603.138	7.407.203.757
Yixing Ze Environmental	-	3.455.377.100
Các nhà cung cấp khác	16.124.096.235	18.672.737.487
	<hr/>	<hr/>
	23.690.478.044	32.864.678.654
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trả trước cho thuê tài chính	53.303.862.334	42.185.458.023
Phải thu lãi tiền gửi	23.344.068.493	30.428.968.494
Tạm ứng cho nhân viên	2.237.601.453	1.869.208.543
Phải thu khác	-	828.025.443
	78.885.532.280	75.311.660.503
	78.885.532.280	75.311.660.503

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
	Từ 6 tháng			
Faith Chemical Enterprises	đến 1 năm	1.189.438.586	356.831.576	832.607.010
Công ty Cổ phần Ô tô Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-
	Từ 6 tháng			
Các khách hàng khác	trở lên	1.389.030.610	660.350.483	728.680.127
		2.693.421.196	1.132.134.059	1.561.287.137
		2.693.421.196	1.132.134.059	1.561.287.137

Ngày 1 tháng 1 năm 2022	Quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
	Từ 6 tháng			
Faith Chemical Enterprises	đến 1 năm	1.229.693.637	368.908.091	860.785.546
Công ty Cổ phần Ô tô Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-
	Từ 6 tháng			
Các khách hàng khác	trở lên	1.902.635.946	721.016.569	1.181.619.377
		3.247.281.583	1.204.876.660	2.042.404.923
		3.247.281.583	1.204.876.660	2.042.404.923

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.204.876.660	1.436.551.094
Số trích lập trong kỳ	-	6.869.464
Số hoàn nhập trong kỳ	(72.742.601)	(694.394.556)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.132.134.059	749.026.002

11. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	113.698.962.020	-	37.171.335.453	-
Nguyên vật liệu	314.444.308.421	-	282.185.254.080	-
Công cụ và dụng cụ	8.748.367.443	-	7.651.949.738	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	198.536.125.747	-	147.015.198.355	-
Thành phẩm	248.169.731.779	(1.475.006.915)	198.425.998.170	(3.090.059.551)
Hàng hóa	2.410.731	-	9.307.193	-
Hàng hóa ký gửi	-	-	4.259.940.304	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Hàng tồn kho	883.599.906.141	(1.475.006.915)	676.718.983.293	(3.090.059.551)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	31.997.052.999	-	32.017.671.870	-

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá của hàng tồn kho như sau:

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.090.059.551	2.872.847.353
Số hoàn nhập trong kỳ	(1.615.052.636)	(849.971.384)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.475.006.915	2.022.875.969

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	202.071.754.226	894.235.241.462	33.665.240.692	13.301.063.629	2.903.577.554	1.146.176.877.563
Mua sắm trong kỳ	342.858.000	3.382.551.758	-	125.152.654	649.653.636	4.500.216.048
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ dang (Thuyết minh 15)	8.089.244.397	29.102.686.505	-	-	-	37.191.930.902
Thanh lý trong kỳ	-	(5.803.704.307)	-	(196.584.708)	-	(6.000.289.015)
Số dư cuối kỳ	210.503.856.623	920.916.775.418	33.665.240.692	13.229.631.575	3.553.231.190	1.181.868.735.498
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	119.842.797.781	665.623.097.160	24.855.116.945	11.699.472.600	2.546.677.227	824.567.161.713
Khấu hao trong kỳ	6.415.317.480	31.726.154.753	1.273.742.432	289.087.362	138.639.982	39.842.942.009
Thanh lý trong kỳ	-	(5.803.704.307)	-	(196.584.708)	-	(6.000.289.015)
Số dư cuối kỳ	126.258.115.261	691.545.547.606	26.128.859.377	11.791.975.254	2.685.317.209	858.409.814.707
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	82.228.956.445	228.612.144.302	8.810.123.747	1.601.591.029	356.900.327	321.609.715.850
Số dư cuối kỳ	84.245.741.362	229.371.227.812	7.536.381.315	1.437.656.321	867.913.981	323.458.920.791

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 528.185 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 511.032 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 28.312 triệu VND (1/1/2022: 30.684 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	19.172.487.526	995.611.145	20.168.098.671
Tăng trong kỳ	4.452.855.630	-	4.452.855.630
Số dư cuối kỳ	23.625.343.156	995.611.145	24.620.954.301
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.573.329.219	129.551.272	2.702.880.491
Khấu hao trong kỳ	1.349.296.463	61.714.252	1.411.010.715
Số dư cuối kỳ	3.922.625.682	191.265.524	4.113.891.206
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	16.599.158.307	866.059.873	17.465.218.180
Số dư cuối kỳ	19.702.717.474	804.345.621	20.507.063.095

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	39.003.296.492	9.827.488.811	5.218.778.656	54.049.563.959
Khấu hao trong kỳ	2.780.379.348	69.424.658	-	2.849.804.006
Số dư cuối kỳ	41.783.675.840	9.896.913.469	5.218.778.656	56.899.367.965
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	208.951.639.706	189.667.041	-	209.141.306.747
Số dư cuối kỳ	206.171.260.358	120.242.383	-	206.291.502.741

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 14.815 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 14.815 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 16.527 triệu VND (1/1/2022: 16.798 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	36.108.430.868	40.255.912.553
Mua sắm trong kỳ	31.123.106.553	20.420.613.710
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	(37.191.930.902)	(29.736.135.988)
Số dư cuối kỳ	30.039.606.519	30.940.390.275

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Máy móc và thiết bị	25.656.995.614	28.813.437.039
Các công trình khác	4.382.610.905	7.294.993.829
	<hr/>	<hr/>
	30.039.606.519	36.108.430.868

16. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/6/2022		1/1/2022	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,00%	32.500.000.000	26,00%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.518.473.372	8.326.048.725	12.844.522.097
Tăng trong kỳ	1.116.078.182	2.403.509.455	3.519.587.637
Phân bổ trong kỳ	(1.604.208.754)	(3.188.660.922)	(4.792.869.676)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.030.342.800	7.540.897.258	11.571.240.058

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.352.507.189	2.064.833.459
Chi phí phải trả	20%	745.765.408	678.540.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	295.001.383	618.011.910
Chênh lệch tỷ giá	20%	58.340.876	137.501.808
		3.451.614.856	3.498.887.617

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2022 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2022 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Trafigura Pte. Ltd	84.173.892.083	-
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	20.513.018.763	23.200.235.934
Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam	19.939.264.755	17.902.003.560
Thai United Industry Company Ltd.	15.900.765.006	21.958.979.120
Korea Zinc Co., Ltd. Onsan Complex	4.120.757.134	18.895.221.605
Các nhà cung cấp khác	68.678.157.542	71.979.985.556
	213.325.855.283	153.936.425.775

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2022 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2022 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.012.001.120	1.894.362.800
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	17.418.500	38.021.500

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	407.685.266.259	(311.865.371.866)	(95.819.894.393)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.673.430.294	27.292.734.254	-	(30.567.981.196)	13.398.183.352
Thuế thu nhập cá nhân	(559.678.532)	3.429.112.350	-	(3.585.768.819)	(716.335.001)
Phí thuê đất và các loại thuế khác	(1.574.094.385)	4.731.481.933	-	(4.722.738.418)	(1.565.350.870)
	14.539.657.377	443.138.594.796	(311.865.371.866)	(134.696.382.826)	11.116.497.481

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	Số hoàn trả trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.710.981.838	339.100.996.731	(311.865.371.866)	-	72.946.606.703

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	127.798.191.708	16.612.291.210
Chi phí bảo hiểm, nghỉ mát, bảo hiểm lao động	13.293.422.711	-
Chi phí vận chuyển	2.585.877.045	1.774.486.147
Chi phí lãi vay	1.903.079.936	1.769.596.028
Các khoản chi phí phải trả khác	1.581.720.259	1.120.247.747
	147.162.291.659	21.276.621.132
	147.162.291.659	21.276.621.132

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.040.849.953	1.964.195.980
Cổ tức	19.917.090	18.973.740
Các khoản phải trả khác	4.367.636.733	4.337.813.398
	5.428.403.776	6.320.983.118
	5.428.403.776	6.320.983.118

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2022		30/6/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ	Số có khả năng trả nợ VND
			Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ VND
			Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.076.570.103.520	1.076.570.103.520	1.603.301.058.891 (1.269.105.696.103)	1.418.085.260.623
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	30.769.814.700	30.769.814.700	18.320.259.029 (13.717.042.982)	35.373.030.747
	1.139.839.918.220	1.139.839.918.220	1.621.621.317.920 (1.282.822.739.085)	1.485.958.291.370
			7.319.794.315	1.485.958.291.370

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHD/VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty chưa hoàn tất thỏa thuận gia hạn hợp đồng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngân hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2022	1/1/2022
		2022	2021	VND	VND
<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	3,8%-4,3%	3,5%-4%	448.614.945.640	330.655.379.687
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,0%-2,3%	2,0%-3,25%	201.911.903.468	159.783.434.825
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	2,0%-3,2%	2,0%-3,2%	167.572.236.695	122.402.553.147
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	3,0%-4,2%	3,0%	84.192.535.181	109.712.231.576
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	VND	3,8%-4,2%	3,0%	73.333.982.572	102.070.477.804
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	USD	2,80%	2,1%	28.196.246.062	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhard	USD	3,8-4,1%	2,9%-3,0%	59.541.327.528	71.703.758.867
Ngân hàng Malayan Banking Berhard	USD	2,20%	1,8%-2,0%	35.666.354.820	40.390.035.872
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,1%-3,1%	3,24%-3,33%	167.188.070.536	53.865.585.835
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,70%	3,8-4,3%	-	18.997.574.376
Ngân hàng TMCP Phương Đông	USD	-	2,6%	-	46.231.216.667
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	3,9%-4,0%	-	119.391.634.281	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	2,00%	2,0%	-	20.757.854.864
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	2,2%-2,42%	2,1%	32.476.023.840	-
				1.418.085.260.623	1.076.570.103.520

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
	93.005.888.712	96.923.396.396
	(35.373.030.747)	(30.769.814.700)
	57.632.857.965	66.153.581.696

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
		2022	2021		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	8,5%-9,0%	8,5-9,6%	48.105.000.000	59.005.000.000
	VND	7,7%-8,1%	9,0%	44.900.888.712	37.918.396.396
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)				93.005.888.712	96.923.396.396

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 28.312 triệu VND và 16.527 triệu VND (1/1/2022: 30.684 triệu VND và 16.798 triệu VND) (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi VND
Trong vòng một năm	14.999.932.031	3.226.901.284	10.889.394.389	2.819.579.689
Trong vòng hai đến năm năm	38.349.683.857	5.221.825.892	34.541.250.052	4.692.668.356
	53.349.615.888	8.448.727.176	45.430.644.441	7.512.248.045
				8.069.814.700
				29.848.581.696
				37.918.396.396

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.324.167.290	10.165.026.008
Số trích lập trong kỳ	2.485.855.490	10.194.582.938
Số sử dụng trong kỳ	(1.047.486.834)	(8.629.243.326)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.762.535.946	11.730.365.620

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.669.289.218	6.386.706.615
Số trích lập trong kỳ	17.758.396.588	13.561.447.821
Số sử dụng trong kỳ	(5.009.979.012)	(4.243.548.856)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	27.417.706.794	15.704.605.580

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	102.367.853.515	730.296.569.585
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	81.439.179.163	81.439.179.163
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	63.147.670.266	(63.147.670.266)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(13.561.447.821)	(13.561.447.821)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	464.717.070.000	1.584.699.224	224.774.617.112	107.097.914.591	798.174.300.927
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	464.717.070.000	1.584.699.224	224.774.617.112	176.249.847.811	867.326.234.147
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	96.370.525.552	96.370.525.552
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(46.471.707.000)	(46.471.707.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	86.913.482.942	(86.913.482.942)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(17.758.396.588)	(17.758.396.588)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	121.476.786.833	899.466.656.111

(*) Trong kỳ, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 241/PA-HĐQT ngày 23 tháng 4 năm 2022.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
Sai Gon 3 Capital Company Limited	6.530.320	14,05%	6.038.220	12,99%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công ty chứng khoán Thành Công	2.860.101	6,15%	2.791.701	6,01%
Công đoàn Công ty cổ phần Pin Ác quy	2.331.234	5,02%	2.325.034	5,00%
Các cổ đông khác	5.952.071	12,81%	6.518.771	14,03%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.896.543.200	3.944.776.000
Trong vòng hai đến năm năm	12.883.500.891	14.237.226.891
	<hr/>	<hr/>
	16.780.044.091	18.182.002.891
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	74.365.534.559	25.045.116.529
	<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.780.881	41.200.681.473	1.238.744	28.045.163.707
EUR	264	6.330.985	270	6.852.353
		<hr/>		<hr/>
		41.207.012.458		28.052.016.060
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Trong nước	1.446.418.823.839	1.285.179.974.559
Xuất khẩu	427.263.171.503	349.212.295.337
	<hr/>	<hr/>
	1.873.681.995.342	1.634.392.269.896
	<hr/>	<hr/>

30. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	2.114.611.128.842	1.927.905.728.446
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	240.630.276.471	293.090.660.983
▪ Hàng bán bị trả lại	298.857.029	422.797.567
	<hr/>	<hr/>
	240.929.133.500	293.513.458.550
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.873.681.995.342	1.634.392.269.896
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Pin và ắc quy đã bán	1.603.540.515.935	1.380.477.837.091
Khuyến mãi có điều kiện	1.358.693.017	11.224.959.227
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.615.052.636)	(849.971.384)
	1.603.284.156.316	1.390.852.824.934
	1.603.284.156.316	1.390.852.824.934

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	28.451.868.790	30.045.532.618
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.649.009.882	3.959.203.446
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	93.288.409
	32.100.878.672	34.098.024.473
	32.100.878.672	34.098.024.473

33. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	24.536.443.901	25.100.864.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.440.965.411	1.963.769.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.188.428.424	-
	41.165.837.736	27.064.633.361
	41.165.837.736	27.064.633.361

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	22.553.388.823	19.518.951.980
Chi phí tiếp thị, hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	26.274.400.665	49.673.566.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.315.622.686	27.524.282.750
Chi phí bảo hành	8.296.518.183	10.194.582.938
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.101.362.034	1.721.042.413
Chi phí bán hàng khác	23.537.353.561	9.288.083.037
	109.078.645.952	117.920.509.738

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	14.626.194.656	13.425.207.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.541.923.605	6.521.308.220
Chi phí khấu hao và phân bổ	355.534.792	444.832.986
Dự phòng phải thu khó đòi	(72.742.601)	(687.525.092)
Chi phí quản lý khác	6.310.295.274	6.566.327.825
	28.761.205.726	26.270.151.595

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.391.083.991.340	1.113.390.282.944
Chi phí nhân công và nhân viên	167.767.366.094	145.084.024.402
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.103.756.730	40.986.902.963
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	195.582.047.753	199.331.511.976



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	24.731.003.692	21.280.471.784
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.561.730.562	4.027.511.156
	<u>27.292.734.254</u>	<u>25.307.982.940</u>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	47.272.761	142.256.620
	<u>27.340.007.015</u>	<u>25.450.239.560</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.710.532.567	106.889.418.723
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.742.106.513	21.377.883.745
Chi phí không được khấu trừ thuế	36.169.940	44.844.659
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.561.730.562	4.027.511.156
	<u>27.340.007.015</u>	<u>25.450.239.560</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	96.370.525.552	81.439.179.163
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(9.637.052.555)	(8.143.917.916)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	86.733.472.997	73.295.261.247
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.866	1.577

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế, cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 tỉ lệ là 10%.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2021
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn hóa chất Việt Nam</i>		
Cổ tức được chia	23.898.273.000	-
Cổ đông lớn		
<i>The Furukawa Battery Co Ltd.,</i>		
Phí bản quyền	1.512.586.840	1.231.949.597
Cổ tức được chia	4.899.708.000	-
Công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	7.835.237.540	5.337.691.489

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn		
Mua hàng hóa	207.795.500	175.188.200
Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix		
Mua hàng hóa	13.894.848	-
Hội đồng Quản trị		
Thù lao và các phụ cấp		
Ông Lê Hoàng	120.000.000	113.000.000
Ông Lê Văn Năm	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	79.800.000	77.800.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	26.600.000	-
Ông Trần Thanh Văn	53.200.000	77.800.000
Ban kiểm soát		
Thù lao và các phụ cấp		
Phan Thị Hoàng Giang	16.487.608	-
Bà Trần Thị Kiều Ly	27.200.000	40.800.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	40.800.000	40.800.000
Lương và thưởng		
Ông Tạ Duy Linh	87.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	183.100.000	268.600.000
Ban Giám đốc		
Lương và thưởng		
Tổng Giám đốc	374.400.000	368.400.000
Các thành viên Ban Giám đốc khác	138.000.000	431.200.000

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 1 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc